

Số: 19./2026/CBTT-THD

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Thaiholdings thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 2.2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thaiholdings
 - Mã chứng khoán: THD
 - Địa chỉ: Số 210 Đường Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Điện thoại liên hệ/Tel: (84-24) 3968 9898. Fax: (84-24) 3525 9898.
 - Email: info@thaiholdings.com.vn. Website: <https://thaiholdings.com.vn/>
2. Nội dung thông tin công bố:
 - BCTC Quý 2.2026
 - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
 - Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):
 - ☐ Có ☒ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☐ Có ☐ Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):
 - ☐ Có ☒ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☐ Có ☐ Không
 - + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30./07/2026 tại đường dẫn: <https://thaiholdings.com.vn/quan-he-co-dong/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Không có.
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất): Không có.
- Ngày hoàn thành giao dịch: Không có.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Quý 2.2026
- Công văn giải trình chênh lệch LNST Quý 2.2026 so với cùng kỳ năm trước

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Ngọc Định

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	04 - 36
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06 - 07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thaiholdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Chí Kiên	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thanh Giang	Thành viên độc lập
Ông Vũ Ngọc Định	Thành viên
Ông Phan Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Vũ Thanh Huệ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Ngọc Định	Tổng Giám đốc	
Bà Vũ Thanh Huệ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Quyết Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 07 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 07 năm 2026

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thu Vân	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Dư Thị Hải Yến	Thành viên
Bà Bùi Thị Thanh Nhân	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp được áp dụng tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh, và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và các sổ sách kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành khác về kế toán. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Vũ Ngọc Định

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.008.667.536.265	1.748.302.449.262
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	37.183.379.110	19.182.991.799
111	1. Tiền		37.183.379.110	19.182.991.799
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	1.662.635.178.086	1.563.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		1.662.635.178.086	1.563.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		302.930.391.711	157.844.139.422
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	292.104.930.609	90.428.464.010
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	3.265.556.646	3.024.375.000
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	7.653.204.456	64.484.600.412
136	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(93.300.000)	(93.300.000)
160	VI. Tài sản ngắn hạn khác		5.918.587.358	8.275.318.041
161	1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	11	5.061.353.558	5.089.969.649
162	2. Thuế GTGT được khấu trừ		857.233.800	2.937.021.508
163	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	248.326.884
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.817.830.873.540	2.793.163.726.299
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		93.376.820.998	92.996.257.038
215	1. Phải thu dài hạn khác	9	93.376.820.998	92.996.257.038
220	II. Tài sản cố định		1.199.356.464	198.976.048
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	159.433.617	175.009.201
222	- Nguyên giá		490.946.091	490.946.091
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(331.512.474)	(315.936.890)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	1.039.922.847	23.966.847
228	- Nguyên giá		1.068.780.000	50.310.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.857.153)	(26.343.153)
250	IV. Tài sản dở dang dài hạn		17.917.376.633	18.458.741.633
251	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	10	17.917.376.633	17.917.376.633
252	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	541.365.000
260	V. Đầu tư tài chính dài hạn	6	2.618.566.086.109	2.589.982.075.419
261	1. Đầu tư vào công ty con		8.000.000.000	-
262	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.800.000.000.000	1.800.000.000.000
263	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		813.239.620.000	805.739.620.000
264	4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn		(2.673.533.891)	(15.757.544.581)
270	VI. Tài sản dài hạn khác		86.771.233.336	91.527.676.161
271	1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	11	86.771.233.336	91.527.676.161
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)		4.826.498.409.805	4.541.466.175.561

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		337.198.585.864	127.290.488.837
310	I. Nợ ngắn hạn		327.215.826.375	117.236.286.908
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	285.269.456.260	73.803.917.787
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	15	19.512.363.260	25.638.801.455
315	3. Phải trả người lao động		622.364.191	1.611.186.284
316	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	402.674.500	440.376.861
319	5. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	18	8.228.367.907	8.098.219.015
320	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	12.184.180.615	6.647.365.864
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		996.419.642	996.419.642
330	II. Nợ dài hạn		9.982.759.489	10.054.201.929
338	1. Phải trả dài hạn khác	17	9.982.759.489	10.054.201.929
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	4.489.299.823.941	4.414.175.686.724
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.849.999.720.000	3.849.999.720.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.849.999.720.000	3.849.999.720.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn		(248.500.000)	(248.500.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.488.684.620	11.488.684.620
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		628.059.919.321	552.935.782.104
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		552.935.782.104	452.333.299.264
420b	- LNST chưa phân phối năm nay		75.124.137.217	100.602.482.840
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		4.826.498.409.805	4.541.466.175.561

Nguyễn Thị Hồng
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Nguyễn Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Định
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II	
			Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	353.354.305.517	322.405.671.591	608.314.249.662	554.429.601.825
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	19.895.356.401	15.283.842.038	36.364.913.728	28.140.536.613
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		333.458.949.116	307.121.829.553	571.949.335.934	526.289.065.212
11	4. Giá vốn hàng bán	23	301.692.026.843	301.174.036.136	534.637.263.529	514.707.985.928
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		31.766.922.273	5.947.793.417	37.312.072.405	11.581.079.284
22	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	27.394.467.442	21.920.451.496	54.376.791.561	45.884.997.905
23	7. Chi phí tài chính	25	(3.313.859.992)	(8.441.774.512)	(13.084.008.342)	(18.567.064.295)
25	8. Chi phí bán hàng	26	656.283.260	562.031.164	1.221.208.392	1.066.163.745
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	4.977.320.157	6.051.276.483	8.637.727.030	11.947.821.625
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + (21 - 22) - (25+26)}		56.841.646.290	29.696.711.778	94.913.936.886	63.019.156.114

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II	
			Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025
			VND	VND	VND	VND
31	11. Thu nhập khác	28	-	-	295	-
32	12. Chi phí khác	29	384.906.264	384.906.264	769.812.528	770.656.351
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(384.906.264)	(384.906.264)	(769.812.233)	(770.656.351)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		56.456.740.026	29.311.805.514	94.144.124.653	62.248.499.763
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	11.393.529.258	5.951.344.092	19.019.987.436	12.629.807.630
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>45.063.210.768</u>	<u>23.360.461.422</u>	<u>75.124.137.217</u>	<u>49.618.692.133</u>



Nguyễn Thị Hồng

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026



Nguyễn Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Định

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2026 VND	Năm 2025 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		94.144.124.653	62.248.499.763
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		18.089.584	18.741.090
03	- Các khoản dự phòng		(13.084.010.690)	(18.567.064.295)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.188	(49.156)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính		(54.376.791.561)	(45.884.948.749)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.701.414.174	(2.184.821.347)
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(199.745.989.330)	17.311.136.285
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		216.483.853.301	(20.725.399.553)
12	- Tăng/giảm chi phí chờ phân bổ		4.785.058.916	9.000.803.901
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(25.595.743.710)	(21.501.427.645)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		22.628.593.351	(18.099.708.359)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(477.105.000)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(405.000.000.000)	(294.800.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		392.000.000.000	190.000.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(15.500.000.000)	(26.250.000.000)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.348.901.148	95.430.477.514
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.628.203.852)	(35.619.522.486)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)		18.000.389.499	(53.719.230.845)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	5	19.182.991.799	68.290.609.155
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.188)	49.156
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	5	37.183.379.110	14.571.427.466



Nguyễn Thị Hồng

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Nguyễn Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng

Vũ Ngọc Định

Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1 . THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thaiholdings được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp số 0105202998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/03/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 23/07/2025.

Trụ sở chính của Công ty tại số 210, đường Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 3.849.999.720.000 VND (Ba nghìn tám trăm bốn mươi chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 25 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là 28 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn lương thực, thực phẩm; Kinh doanh vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phụ tùng trong lĩnh vực xây dựng; Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp; Kinh doanh bất động sản và dịch vụ tòa nhà.

Đặc điểm hoạt động kinh doanh trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Theo Nghị quyết 07/2026/NQ-HĐQT/THD ngày 26/05/2026 của HĐQT, Công ty đã thực hiện đầu tư góp vốn thành lập công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty con, công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2026 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH MTV XD và TM Lộc Trường Phát	Ninh Bình	100%	100%	Hoàn thiện công trình xây dựng
Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup	Ninh Bình	48,0%	48,0%	Kinh doanh thương mại và đầu tư bất động sản

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2 . NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính riêng này là đồng Việt Nam (VND)

3 . CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Thaiholdings đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính này

4 . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy tắc pháp lý có liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính.)

Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BCTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 99 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh có thay đổi trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 99 và Thông tư 200.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán, mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4 . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh của công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chỉ phí tài chính.

Nếu các đơn vị được đầu tư là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay: được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Việc trích lập dự phòng được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của doanh nghiệp có khả năng không thu hồi được.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4 . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4 . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc thiết bị	10
Thiết bị quản lý	05
Tài sản cố định khác	04 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao trong thời gian 10 năm.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất: Thể hiện số tiền thuê đã được trả trước cho toàn bộ thời gian thuê 609,9 m2 đất ở số 2B Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty CP Thương mại và Dịch vụ với tổng giá trị 29.700.000.000 VND. Hợp đồng có hiệu lực đến hết thời hạn thuê đất của bên cho thuê kể từ ngày 12/09/2014, trừ khi chấm dứt theo quy định của Pháp luật. Công ty đang thực hiện phân bổ tiền thuê đất trong thời gian 20 năm. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác: Bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí sửa chữa hoàn thiện văn phòng và các chi phí khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước thuê hoạt động: Bao gồm chi phí thuê văn phòng, dịch vụ tòa nhà được trả trước tiền thuê để cho thuê lại và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê.

Tài sản thuê hoạt động

Mọi khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4 . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4 . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Thu nhập từ chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tất cả chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được trình bày vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuận giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4 . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư các bên liên quan phát sinh trong năm được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	126.422.884	248.047.449
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.056.956.226	18.934.944.350
Cộng	37.183.379.110	19.182.991.799

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn						
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Xuất Nhập Khẩu Naila (i)	397.167.643.836	397.167.643.836		371.000.000.000	371.000.000.000	
Công Ty TNHH MTV Ngọc Khánh An (ii)	390.830.000.000	390.830.000.000		365.000.000.000	365.000.000.000	
Công Ty TNHH MTV Thương Mại Phan Uyên (iii)	465.783.698.633	465.783.698.633		435.000.000.000	435.000.000.000	
Công Ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Và Dịch Vụ Trường Tuệ				392.000.000.000	392.000.000.000	
Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ M2T (iv)	408.853.835.617	408.853.835.617				
Cộng	1.662.635.178.086	1.662.635.178.086	-	1.563.000.000.000	1.563.000.000.000	-

(i) Theo Hợp đồng vay tiền số 03/2025/HĐV/THD-NAILA ngày 13/06/2025 và các Phụ lục hợp đồng giữa Công ty và Công ty TNHH Đầu Tư Và Xuất Nhập Khẩu Naila, thời hạn 11 tháng, có tài sản đảm bảo theo Thông báo tư vấn giá của Công ty thẩm định giá độc lập, mục đích vay để phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh.

(ii) Theo Hợp đồng vay tiền số 01/2025/HĐV/THD-NKA ngày 11/06/2025 và các Phụ lục hợp đồng giữa Công ty và Công Ty TNHH MTV Ngọc Khánh An, thời hạn 11 tháng, có tài sản đảm bảo theo Thông báo tư vấn giá của Công ty thẩm định giá độc lập, mục đích vay để phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh.

(iii) Theo Hợp đồng vay tiền 02/2025/HĐV/THD-PU ngày 12/06/2025 và các Phụ lục hợp đồng giữa Công ty và Công Ty TNHH MTV Thương Mại Phan Uyên, thời hạn 11 tháng, có tài sản đảm bảo theo Thông báo tư vấn giá của Công ty thẩm định giá độc lập, mục đích vay để phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(iv) Theo Hợp đồng vay tiền 1205/2026/HĐV/THD-M2T ngày 11/05/2026 và các Phụ lục hợp đồng giữa Công ty và Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ M2T, thời hạn 11 tháng, có tài sản đảm bảo theo Thông báo tư vấn giá của Công ty thẩm định giá độc lập, mục đích vay để phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	8.000.000.000	(1.421.983)		-	-	
- Công ty TNHH MTV XD và TM Lộc Trường Phát (1)	8.000.000.000	(1.421.983)	(*)	-	-	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết	1.800.000.000.000	-		1.800.000.000.000	-	
- Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup	1.800.000.000.000	-	(*)	1.800.000.000.000	-	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác	813.239.620.000	(2.672.111.908)		805.739.620.000	(15.757.544.581)	
- Công ty CP Du lịch Kim Liên	365.082.660.000	-	(*)	365.082.660.000	-	(*)
- Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	414.406.960.000	-	(*)	414.406.960.000	(12.541.376.591)	(*)
- Công ty CP Quản lý Quỹ LPB (2)	33.750.000.000	(2.672.111.908)	(*)	26.250.000.000	(3.216.167.990)	
Cộng	2.621.239.620.000	(2.673.533.891)		2.605.739.620.000	(15.757.544.581)	

(1) Nghị quyết 07/2026/NQ-HĐQT/THD ngày 26/05/2026 của HĐQT, Công ty đã thực hiện đầu tư góp vốn thành lập công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ.

(2) Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐQT/THD ngày 06/02/2026 thông qua việc đăng ký mua thêm 750.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB theo phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để Thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý nên Công ty trình bày theo giá trị sổ sách. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định có thể khác giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Thông tin chi tiết về công ty con, công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2026 như sau:**

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH MTV XD và TM Lộc Trường Phát	Ninh Bình	100,00%	100,00%	Hoàn thiện công trình xây dựng
Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup	Ninh Bình	48,00%	48,00%	Kinh doanh thương mại và đầu tư bất động sản

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư khác của Công ty vào ngày 30/06/2026 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Du lịch Kim Liên	Hà Nội	17,20%	17,20%	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và du lịch
- Công ty CP Tôn Dân Hà Nội	Hà Nội	19,52%	19,52%	Kinh doanh bất động sản
- Công ty CP Quản lý Quỹ LPB	Hà Nội	15,00%	15,00%	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2026		01/01/2026	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tổng hợp Ninh Bình	62.222.696.869	-	11.532.298.997	-
Công ty CP KAITO	69.143.507.747	-	11.922.875.634	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Toàn Thắng	56.758.425.915	-	9.672.214.033	-
Công ty TNHH MTV L2T		-	5.626.758.231	-
Công ty TNHH MBS	75.479.949.691	-	26.262.585.099	-
Công ty TNHH MTV PVT	21.194.449.342	-	23.447.508.470	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.305.901.045	-	1.964.223.546	-
Cộng	292.104.930.609	-	90.428.464.010	-

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2026		01/01/2026	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty CP INNO	2.700.000.000	-	2.700.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	565.556.646	(93.300.000)	324.375.000	(93.300.000)
Cộng	3.265.556.646	(93.300.000)	3.024.375.000	(93.300.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	7.653.204.456	64.484.600.412
Phải thu lãi cho vay		56.607.287.673
Phải thu chiết khấu thương mại được hưởng	7.653.204.456	6.015.938.180
Các khoản phải thu khác	-	1.861.374.559
Dài hạn	93.376.820.998	92.996.257.038
Đặt cọc cho Công ty CP Tôn Đàn Hà Nội (1)	87.298.012.689	86.917.448.729
Phải thu theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (2)	6.078.808.309	6.078.808.309
Cộng	101.030.025.454	157.480.857.450
Phải thu khác là các bên liên quan	6.078.808.309	92.996.257.038

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)

(1) Đặt cọc cho Công ty CP Tôn Đàn Hà Nội theo Hợp đồng cho thuê văn phòng.

(2) Theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 28/2020/HĐ/KL-THD ngày 10/07/2020, Công ty hợp tác với Công ty CP Du lịch Kim Liên để thực hiện Dự án Tổ hợp công trình thương mại dịch vụ, khách sạn, văn phòng và căn hộ cho thuê tại số 5-7 Đào Duy Anh, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội.

10 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	30/06/2026		01/01/2026
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc
	VND	VND	VND
Dự án Khu phức hợp Kim Liên	17.917.376.633	-	17.917.376.633
Tổng	17.917.376.633	-	17.917.376.633

Chi phí thực hiện Dự án Khu phức hợp Kim Liên do Công ty thực hiện theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 28/2020/HĐ/KL-THD ngày 10/07/2020 với Công ty CP Du lịch Kim Liên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11 . CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	5.061.353.558	5.089.969.649
Chi phí thuê văn phòng tại 17 Tông Đản và 210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội (1)	4.871.125.095	4.949.783.104
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.788.460	4.172.722
Chi phí chờ phân bổ khác	188.440.003	136.013.823
Dài hạn	86.771.233.336	91.527.676.161
Chi phí thuê văn phòng tại 17 Tông Đản và 210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội (1)	73.499.008.584	77.053.805.628
Chi phí thuê tại 2B Lê Phụng Hiểu (2)	11.564.060.479	12.333.873.007
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.685.645.632	2.109.948.492
Chi phí chờ phân bổ khác	22.518.641	30.049.034
Cộng	91.832.586.894	96.617.645.810

(1) Theo Hợp đồng nguyên tắc cho thuê văn phòng số 1903/2019/HĐCTVP/TĐ-THS ngày 19/03/2020 với Công ty CP Tôn Đản Hà Nội - Công ty liên kết, Công ty thực hiện cho thuê lại Tòa nhà văn phòng làm việc và cho thuê tại địa chỉ 17 Tông Đản và 210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. Thời gian thuê là 15 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Giá thuê phụ thuộc vào giá cho thuê lại của Công ty.

(2) Tiền thuê lô đất ở số 2B Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty CP Thương mại và Dịch vụ với tổng giá trị 29.700.000.000 VND. Hợp đồng có hiệu lực đến hết thời hạn thuê đất kể từ ngày 12/09/2014, trừ khi chấm dứt theo quy định của Pháp luật. Công ty đang thực hiện phân bổ tiền thuê đất trong thời gian 20 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	272.727.273	110.037.000	39.090.909	69.090.909	490.946.091
Số dư cuối kỳ	272.727.273	110.037.000	39.090.909	69.090.909	490.946.091
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	153.360.000	57.652.656	35.833.325	69.090.909	315.936.890
- Khấu hao trong kỳ	6.816.000	5.502.000	3.257.584	-	15.575.584
Số dư cuối kỳ	160.176.000	63.154.656	39.090.909	69.090.909	331.512.474
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	119.367.273	52.384.344	3.257.584	-	175.009.201
Tại ngày cuối kỳ	112.551.273	46.882.344	-	-	159.433.617

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 108.181.818 VND (đầu kỳ: 69.090.909 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu năm	50.310.000	50.310.000
- Mua trong kỳ	1.018.470.000	1.018.470.000
Số dư cuối kỳ	1.068.780.000	1.068.780.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	26.343.153	26.343.153
- Khấu hao trong kỳ	2.514.000	2.514.000
Số dư cuối kỳ	28.857.153	28.857.153
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	23.966.847	23.966.847
Tại ngày cuối kỳ	1.039.922.847	1.039.922.847

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Xi măng Xuân Thành Quảng Nam	185.830.066.229	185.830.066.229	24.637.822.561	24.637.822.561
Công ty TNHH Bê Tông Kaito Việt Nam	9.734.518.137	9.734.518.137	45.431.259.945	45.431.259.945
Công ty TNHH Mỹ Hạnh	44.391.572.640	44.391.572.640		
Phải trả người bán khác	45.313.299.254	45.313.299.254	3.734.835.281	3.734.835.281
Cộng	285.269.456.260	285.269.456.260	73.803.917.787	73.803.917.787
Phải trả người bán là các bên liên quan	34.174.000	34.174.000	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số điều chỉnh giảm trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Phải nộp	25.638.801.455	20.039.689.669	-	25.917.800.980	19.512.363.260
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	827.756.280		165.551.256	413.878.140
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.595.743.710	19.019.987.436		25.595.743.710	19.019.987.436
Thuế thu nhập cá nhân	43.057.745	191.945.953		156.506.014	78.497.684
Phải thu	248.326.884	-	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	248.326.884	-		-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí phải trả khác	402.674.500	440.376.861
Tổng	402.674.500	440.376.861

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	12.184.180.615	6.647.365.864
Kinh phí công đoàn	3.723.180	5.159.125
Bảo hiểm xã hội	46.036.795	-
Bảo hiểm y tế	8.119.080	-
Bảo hiểm thất nghiệp	3.608.480	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	468.453.759	626.268.559
Các khoản chiết khấu thương mại phải trả	7.653.204.456	6.015.938.180
Phải trả theo thỏa thuận liên doanh	4.000.000.000	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.034.865	-
Dài hạn	9.982.759.489	10.054.201.929
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.982.759.489	10.054.201.929
Cộng	22.166.940.104	16.701.567.793

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng	8.228.367.907	8.098.219.015
- Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	5.405.015.247	5.323.726.882
- Văn phòng Hà Nội của cơ quan Hợp tác phát triển Ý (AICS Hà Nội) thuộc Đại sứ quán Ý tại Việt Nam	935.550.000	935.550.000
- Các khách hàng khác	1.887.802.660	1.838.942.133
Cộng	8.228.367.907	8.098.219.015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	3.849.999.720.000	(248.500.000)	11.488.684.620	452.333.299.264	4.313.573.203.884
Lãi/(lỗ) trong năm	-	-	-	100.602.482.840	100.602.482.840
Số dư cuối năm trước	3.849.999.720.000	(248.500.000)	11.488.684.620	552.935.782.104	4.414.175.686.724
Số dư đầu năm nay	3.849.999.720.000	(248.500.000)	11.488.684.620	552.935.782.104	4.414.175.686.724
Lãi/(lỗ) kỳ này	-	-	-	75.124.137.217	75.124.137.217
Số dư cuối kỳ này	3.849.999.720.000	(248.500.000)	11.488.684.620	628.059.919.321	4.489.299.823.941

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, Vốn điều lệ của Công ty là 3.849.999.720.000 VND. Danh sách cổ đông tại thời điểm ngày 31/12/2025 như sau:

	Vốn đã góp			
	30/06/2026	Tỷ lệ	01/01/2026	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Các cổ đông	3.849.999.720.000	100,00	3.849.999.720.000	100,00
Cộng	3.849.999.720.000	100,00	3.849.999.720.000	100,00

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý 2/2026	Quý 2/2025
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	3.849.999.720.000	3.849.999.720.000
- Vốn góp cuối năm	3.849.999.720.000	3.849.999.720.000

Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	384.999.972	384.999.972
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	384.999.972	384.999.972
- Cổ phiếu phổ thông	384.999.972	384.999.972
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	384.999.972	384.999.972
- Cổ phiếu phổ thông	384.999.972	384.999.972

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	30/06/2026	01/01/2026
- USD	68,23	68,23
- EUR	2,47	2,47

21 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 2/2026	Quý 2/2025
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	309.928.078.195	307.565.559.334
Doanh thu cho thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan	27.426.227.322	14.840.112.257
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.000.000.000	
Cộng	353.354.305.517	322.405.671.591
Doanh thu bán hàng đối với các bên liên quan	305.580.000	305.580.000

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Quý 2/2026	Quý 2/2025
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	19.895.356.401	15.283.842.038
Hàng bán bị trả lại	-	-
Tổng	19.895.356.401	15.283.842.038

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 2/2026	Quý 2/2025
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	288.211.163.670	290.496.167.367
Chi phí cho thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan	13.480.863.173	10.677.868.769
Cộng	301.692.026.843	301.174.036.136

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 2/2026	Quý 2/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.394.738.056	21.920.424.528
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	(270.614)	26.968
Cộng	27.394.467.442	21.920.451.496

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 2/2026	Quý 2/2025
	VND	VND
Dự phòng (hoàn nhập) tổn thất đầu tư	(3.313.862.180)	(8.441.774.512)
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.188	-
Cộng	(3.313.859.992)	(8.441.774.512)

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý 2/2026	Quý 2/2025
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	650.417.467	562.031.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.865.793	-
Cộng	656.283.260	562.031.164

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 2/2026	Quý 2/2025
	VND	VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.564.170	15.629.967
Chi phí lương nhân viên	2.113.646.169	1.589.924.028
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.311.039	5.962.545
Thuế, phí và lệ phí	831.783.424	581.645.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.928.920.996	3.839.415.294
Chi phí khác bằng tiền	83.094.359	18.698.701
Cộng	4.977.320.157	6.051.276.483

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Quý 2/2026	Quý 2/2025
	VND	VND
Tiền thuê đất	384.906.264	384.906.264
Cộng	384.906.264	384.906.264

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 2/2026	Quý 2/2025
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	56.456.740.026	29.311.805.514
Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	510.906.264	444.914.944
Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	510.906.264	444.914.944
- Chi phí thuê đất không hợp lý, hợp lệ	384.906.264	384.906.264
- Thủ lao thành viên HĐQT không chuyên trách	126.000.000	60.000.000
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	-	8.680
Thu nhập tính thuế TNDN	56.967.646.290	29.756.720.458
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.393.529.258	5.951.344.092

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 2/2026	Quý 2/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.564.170	15.629.967
Chi phí lương nhân viên	2.764.063.636	2.151.955.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.127.039	9.370.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.408.833.962	14.513.876.063
Chi phí khác bằng tiền	914.877.783	600.344.649
Cộng	19.114.466.590	17.291.176.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy, báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026

	Thương mại	Cung cấp dịch vụ	Cộng
	VND	VND	VND
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	513.567.950.302	58.381.385.632	571.949.335.934
Chi phí phân bổ	510.477.951.641	24.159.311.888	534.637.263.529
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.089.998.661	34.222.073.744	37.312.072.405
Các chi phí không theo bộ phận			9.858.935.422
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			27.453.136.983
Doanh thu hoạt động tài chính			54.376.791.561
Chi phí tài chính			(13.084.008.342)
Thu nhập khác			295
Chi phí khác			769.812.528
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			19.019.987.436
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			75.124.137.217
Tài sản không phân bổ theo bộ phận			4.826.498.409.805
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			337.198.585.864

Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

	Thương mại	Cung cấp dịch vụ	Cộng
	VND	VND	VND
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	496.899.800.397	29.389.264.815	526.289.065.212
Chi phí phân bổ	493.919.175.337	20.788.810.591	514.707.985.928
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.980.625.060	8.600.454.224	11.581.079.284
Các chi phí không theo bộ phận			13.013.985.370
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(1.432.906.086)
Doanh thu hoạt động tài chính			45.884.997.905
Chi phí tài chính			(18.567.064.295)
Thu nhập khác			-
Chi phí khác			770.656.351
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			12.629.807.630
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			49.618.692.133
Tài sản không phân bổ theo bộ phận			4.479.683.264.590
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			116.491.368.573

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

32 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động

	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND
Tiền thuê hoạt động ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ	11.645.329.566	13.405.391.371

Cho thuê

Theo Hợp đồng nguyên tắc cho thuê văn phòng số 1903/2019/HĐCTVP/TĐ-THS ngày 19/03/2020 với Công ty CP Tôn Dân Hà Nội, Công ty thực hiện cho thuê lại Tòa nhà văn phòng làm việc và cho thuê tại địa chỉ 17 Tông Dân và 210 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. Thời gian thuê là 15 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Giá thuê phụ thuộc vào giá cho thuê lại của Công ty.

33 . GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Bản chất mối quan hệ
- Công ty TNHH MTV XD và TM Lộc Trường Phát	Công ty con
- Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup (Thaingroup)	Công ty liên kết
- Công ty CP Du lịch Kim Liên	Bên liên quan với người nội bộ
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm LPBANK	Bên liên quan với người nội bộ
- Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Thaihomes	Bên liên quan với người nội bộ

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	305.580.000	305.580.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Thaihomes	305.580.000	305.580.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	118.037.239	9.777.758.358
- Công ty CP Tôn Dân Hà Nội		9.758.313.914
- Công ty CP Du lịch Kim Liên	31.637.239	19.444.444
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm LPBank	86.400.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Phải thu khác	6.078.808.309	92.996.257.038
- Công ty CP Du lịch Kim Liên	6.078.808.309	6.078.808.309
- Công ty CP Tôn Đản Hà Nội		86.917.448.729
Phải trả người bán	34.174.000	-
- Công ty CP Du lịch Kim Liên	34.174.000	

Thu nhập và tiền lương của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát Quý 2/2026 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Quý 2/2026	Quý 2/2025
			VND	VND
1	Nguyễn Chí Kiên	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	30.000.000
2	Vũ Ngọc Định	Tổng Giám đốc	234.424.762	188.020.000
3	Trần Thị Thanh Giang	Thành viên độc lập HĐQT	15.000.000	15.000.000
4	Phan Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	15.000.000	15.000.000
5	Đặng Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	200.716.831	145.520.000
6	Vũ Thanh Huệ	Phó Tổng Giám đốc	233.195.937	160.280.000
7	Ngô Quyết Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	170.948.914	118.320.000
8	Nguyễn Thu Vân	Trưởng Ban Kiểm soát	15.000.000	109.634.000
9	Dur Thị Hải Yến	Thành viên BKS	9.000.000	34.960.000
10	Bùi Thị Thanh Nhân	Thành viên BKS	9.600.000	60.454.000

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính (trước đây là Bảng cân đối kế toán) đã được Công ty điều chỉnh phi hồi tố theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh phi hồi tố như sau:

Các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính:

Mã số	Chỉ tiêu	Số trình bày tại 31/12/2025 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Số trình bày tại 31/12/2025 (được phân loại lại)
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn	(*)	1.563.000.000.000	1.563.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (1)	(*)	1.563.000.000.000	1.563.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.720.844.139.422	(1.720.844.139.422)	(**)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Số trình bày tại 31/12/2025 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Số trình bày tại 31/12/2025 (được phân loại lại)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	(*)	157.844.139.422	157.844.139.422
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	(1) 1.563.000.000.000	(1.563.000.000.000)	(**)
135	Phải thu ngắn hạn khác	(*)	64.484.600.412	64.484.600.412
136	Các khoản phải thu khác	64.484.600.412	(64.484.600.412)	(**)
136	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(*)	(93.300.000)	(93.300.000)
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(93.300.000)	93.300.000	(**)
150	Tài sản ngắn hạn khác	8.275.318.041	(8.275.318.041)	(**)
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	5.089.969.649	(5.089.969.649)	(**)
152	Thuế GTGT được khấu trừ	2.937.021.508	(2.937.021.508)	(**)
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	248.326.884	(248.326.884)	(**)
160	Tài sản ngắn hạn khác	(*)	8.275.318.041	8.275.318.041
161	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	(*)	5.089.969.649	5.089.969.649
162	Thuế GTGT được khấu trừ	(*)	2.937.021.508	2.937.021.508
163	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(*)	248.326.884	248.326.884
215	Phải thu dài hạn khác	(*)	92.996.257.038	92.996.257.038
216	Phải thu dài hạn khác	92.996.257.038	(92.996.257.038)	(**)
240	Tài sản dở dang dài hạn	18.458.741.633	(18.458.741.633)	(**)
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	17.917.376.633	(17.917.376.633)	(**)
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	541.365.000	(541.365.000)	(**)
250	Tài sản dở dang dài hạn	(*)	18.458.741.633	18.458.741.633
251	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	(*)	17.917.376.633	17.917.376.633
252	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(*)	541.365.000	541.365.000
250	Đầu tư tài chính dài hạn	2.589.982.075.419	(2.589.982.075.419)	(**)
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1.800.000.000.000	(1.800.000.000.000)	(**)
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	805.739.620.000	(805.739.620.000)	(**)
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(15.757.544.581)	15.757.544.581	(**)
260	Đầu tư tài chính dài hạn	(*)	2.589.982.075.419	2.589.982.075.419
262	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(*)	1.800.000.000.000	1.800.000.000.000
263	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(*)	805.739.620.000	805.739.620.000
264	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	(*)	(15.757.544.581)	(15.757.544.581)
260	Tài sản dài hạn khác	91.527.676.161	(91.527.676.161)	(**)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Số trình bày tại 31/12/2025 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Số trình bày tại 31/12/2025 (được phân loại lại)
261	Chi phí trả trước dài hạn	91.527.676.161	(91.527.676.161)	(**)
270	Tài sản dài hạn khác	(*)	91.527.676.161	91.527.676.161
271	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	(*)	91.527.676.161	91.527.676.161
270	Tổng cộng tài sản	4.541.466.175.561	(4.541.466.175.561)	(**)
280	Tổng cộng tài sản	(*)	4.541.466.175.561	4.541.466.175.561
313	Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	25.638.801.455	(25.638.801.455)	(**)
314	Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước ngắn hạn	(*)	25.638.801.455	25.638.801.455
314	Phải trả người lao động	1.611.186.284	(1.611.186.284)	(**)
315	Phải trả người lao động	(*)	1.611.186.284	1.611.186.284
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	440.376.861	(440.376.861)	(**)
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	(*)	440.376.861	440.376.861
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn	8.098.219.015	(8.098.219.015)	(**)
319	Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	(*)	8.098.219.015	8.098.219.015
319	Phải trả ngắn hạn khác	6.647.365.864	(6.647.365.864)	(**)
320	Phải trả ngắn hạn khác	(*)	6.647.365.864	6.647.365.864
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	996.419.642	(996.419.642)	(**)
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(*)	996.419.642	996.419.642
337	Phải trả dài hạn khác	10.054.201.929	(10.054.201.929)	(**)
338	Phải trả dài hạn khác	(*)	10.054.201.929	10.054.201.929
410	Vốn chủ sở hữu	4.414.175.686.724	(4.414.175.686.724)	(**)
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	(*)	552.935.782.104	552.935.782.104
420a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	(*)	452.333.299.264	452.333.299.264
420b	LNST chưa phân phối năm nay	(*)	100.602.482.840	100.602.482.840
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	552.935.782.104	(552.935.782.104)	(**)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	452.333.299.264	(452.333.299.264)	(**)
421b	LNST chưa phân phối năm nay	100.602.482.840	(100.602.482.840)	(**)

(1) Phân loại lại từ Phải thu về cho vay ngắn hạn sang Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

(*) Các chỉ tiêu mới trên Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 99

(**) Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán theo Thông tư 200 không còn được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 99

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***34 . SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)***Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Mã số	Chỉ tiêu	Số trình bày tại 30/06/2025 (đã được trình bày)		Phân loại lại		Số trình bày tại 30/06/2025 (được phân loại lại)	
		Quý 2/2025	Lũy kế đến hết Quý 2/2025	Quý 2/2025	Lũy kế đến hết Quý 2/2025	Quý 2/2025	Lũy kế đến hết Quý 2/2025
21	Doanh thu hoạt động tài chính	21.920.451.496	45.884.997.905	(21.920.451.496)	(45.884.997.905)	-	-
22	Doanh thu hoạt động tài chính	(*)	(*)	21.920.451.496	45.884.997.905	21.920.451.496	45.884.997.905
22	Chi phí tài chính	(8.441.774.512)	(18.567.064.295)	8.441.774.512	18.567.064.295	-	-
23	Chi phí tài chính	(*)	(*)	(8.441.774.512)	(18.567.064.295)	(8.441.774.512)	(18.567.064.295)

(*) Các chỉ tiêu mới trên Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 99

(**) Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán theo Thông tư 200 không còn được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư



Nguyễn Thị Hồng

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026



Nguyễn Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Định

Tổng Giám đốc

